

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 -5- 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Danh Thị Ngọc M, sinh năm 1997; địa chỉ: 657/11 đường L, tổ 85, khu 9, phường P, thành phố M, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Số 149 nhà trọ Bảy H, đường Phạm Ngọc T, phường H, thành phố M, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Hữu C, sinh năm 1993; địa chỉ: 657/11 đường L, tổ 85, khu 9, phường P, thành phố M, tỉnh B Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Danh Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, bà Danh Thị Ngọc M và ông Phan Hữu C sống chung với nhau vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường L, thành phố M, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130, ngày 09/11/2016. Hôn nhân của bà M và ông C trên cơ sở tự

nguyện. Quá trình chung sống, bà M và ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông C thường xuyên chơi đánh bạc và nghiện game, không lo làm ăn, chăm sóc vợ con. Bà M đã cố gắng để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng ông C vẫn không thay đổi. Do đó, bà M đã về nhà mẹ ruột sống gần 01 năm nay. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Phan Thị Hồng H, sinh ngày 14/11/2016 và cháu Phan Đức V, sinh ngày 01/01/2018. Sau khi ly hôn, bà Danh Thị Ngọc M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Phan Thị Hồng H và Phan Đức V. Về cấp dưỡng: Bà Danh Thị Ngọc M không yêu cầu ông Phan Hữu C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Hữu C đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Danh Thị Ngọc M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phan Hữu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông Phan Hữu C vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố M, tỉnh B theo chứng nhận kết hôn số 130, ngày 09/11/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập ông C nhiều lần để tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông C không đến Tòa án, không cung cấp chứng cứ để chứng minh quan hệ hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, cũng không quan tâm đến hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà M cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà M yêu cầu được ly hôn với ông C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, xét thấy: Các cháu còn nhỏ, đang trong độ tuổi phát triển, cần sự chăm sóc và dạy dỗ của mẹ. Trong thời gian trước đây và hiện nay hai con chung được bà M nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Ngoài ra, hai cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị Ngọc M đối với bị đơn ông Phan Hữu C về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Danh Thị Ngọc M được ly hôn với ông Phan Hữu C.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Phan Thị Hồng H, sinh ngày 14/11/2016 và Phan Đức V, sinh ngày 01/01/2018 cho bà Danh Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, bà Danh Thị Ngọc M và ông Phan Hữu C đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông C lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà M nuôi con thì bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Danh Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000796 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh B.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh B ;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- UBND P. L, TP.M, B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

